

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 157/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/6/2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly;

2. Bà Đào Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 300/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre; địa chỉ liên lạc: 9 L, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông Châu Thanh B, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông B tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Kiên

Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế, khó khăn về tiền bạc, dẫn đến vợ chồng thường cự cãi, có khi bà bị chồng bạo hành, bà về nhà cha mẹ ruột sống từ khoảng tháng 6/2016 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng không sống chung vợ chồng không tới lui hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm không còn bà T yêu cầu ly hôn với ông B; Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Châu Bảo N, sinh ngày 29/4/2012 hiện con chung đang sống với ông B. Khi ly hôn bà đồng ý để ông B tiếp tục nuôi con, bà không cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về quan hệ nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Châu Thanh B được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông B vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: **đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình:**

- **Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Châu Thanh B.**

- **Ông Châu Thanh B** được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Châu Bảo N, sinh ngày 29/4/2012. Bà Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Châu Thanh B, ông B có nơi cư trú ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Châu Thanh B được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp.

[3] Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Châu Thanh B. Bà T và ông B có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo bà T trình

bà, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, khó khăn về tiền bạc, dẫn đến vợ chồng thường cự cãi, có khi bà bị chồng bạo hành, bà về nhà cha mẹ ruột sống từ khoảng tháng 6/2016 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà T yêu cầu ly hôn và triệu tập ông B tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông B vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông B đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế, khó khăn về tiền bạc, dẫn đến vợ chồng thường cự cãi, có khi bà bị chồng bạo hành, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 6/2016 cho đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Bà T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Châu Bảo N, sinh ngày 29/4/2012 hiện con chung đang chung sống với ông B. Khi ly hôn bà đồng ý để ông B tiếp tục nuôi con. Tòa án đã thực hiện việc ghi nhận nguyện vọng của cháu N, nhưng không ghi nhận được do cháu N không có ở nhà. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, con chung do ông B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và trong quá trình giải quyết ông B cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của bà T. Do đó, để ông B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp với pháp luật.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết;

[6] Về quan hệ tài sản chung: Bà T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về quan hệ nợ chung: Bà T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Dương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và

gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Châu Thanh B.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Châu Thanh B.

- Về quan hệ con chung: Ông Châu Thanh B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Châu Bảo N, sinh ngày 29/4/2012. Bà Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Châu Thanh B cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị T xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà Nguyễn Thị T và ông Châu Thanh B phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo **biên lai thu số 0024343 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 25 tháng 3 năm 2025**. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

